



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2010

*và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 6
Báo cáo kiểm toán	7 - 8
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	9 - 31
Bảng cân đối kế toán	9 - 12
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14 - 15
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	16 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 21.03.000218 ngày 14 tháng 02 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.100.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xe băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Sản xuất xi măng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất các loại kim loại;
- Đầu tư thủy điện, nhiệt điện, kinh doanh mua bán điện;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phôi dầu, máy biến áp phân phôi khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh môi giới, đấu giá bất động sản;
- Kinh doanh siêu thị, làm đại lý bán vé máy bay, vé tàu, xe, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe, nhà xưởng sản xuất, kho tàng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị;
- Thảo dỡ công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại), cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su, bột cao su, nhựa đường;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính bắt đầu từ 01 tháng 4 năm 2010 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 31).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Chủ tịch
Ông Mẫn Hồng Cầm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quế	Ủy viên
Ông Dương Lạc	Ủy viên
Ông Tạ Xuân Kiên	Ủy viên
Ông Trần Vĩnh Hưng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Phụ trách Kế toán trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mẫn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Mẫn Hồng Cầm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Xuân Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Lạc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lục Xít	Giám đốc tài chính
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Phụ trách Kế toán

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số liệu kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2011

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

2



Số : 121./2011/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2010
và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka được lập ngày 12 tháng 5 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 được trình bày từ trang 09 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cẩn thận, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo rằng: Công ty đang thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của khoản mục tiền và các khoản nợ ngắn hạn số tiền là: 6.482.785.612 đồng đang được Công ty phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái). Tuy nhiên, việc xử lý chênh lệch tỷ giá theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính có sự khác biệt so với việc xử lý chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán cũng do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể, theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành thì chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm. Nếu thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành thì chi phí tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 tăng thêm là: 6.482.785.612 đồng.

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2011

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lan
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2011	01/4/2010
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		906.011.345.450	810.535.601.404
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.974.954.217	3.662.881.478
1.	Tiền	111	V.1	7.974.954.217	3.662.881.478
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu	130		676.951.590.683	535.485.851.409
1.	Phải thu của khách hàng	131		506.997.984.285	214.112.598.419
2.	Trả trước cho người bán	132		13.293.690.696	10.931.195.625
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.2	119.164.690.417	226.844.380.699
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.3	37.495.225.285	83.597.676.666
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		219.077.978.563	265.027.519.819
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	219.443.052.253	267.527.519.819
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(365.073.690)	(2.500.000.000)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.006.821.987	6.359.348.698
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	117.195.982	-
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		220.774	3.582.289.798
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		20.390.675	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.869.014.556	2.777.058.900

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2011	01/4/2010
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.180.910.359.720	960.942.696.052
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		257.759.336.237	135.779.789.702
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	185.996.312.311	80.716.501.206
	- Nguyên giá	222		218.301.646.209	104.928.526.384
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32.305.333.898)	(24.212.025.178)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.304.292.082	1.364.231.134
	- Nguyên giá	228		1.463.337.543	1.463.337.543
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(159.045.461)	(99.106.409)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	70.458.731.844	53.699.057.362
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.10	29.600.099.000	29.937.599.000
1.	Nguyên giá	241		29.937.599.000	29.937.599.000
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(337.500.000)	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		875.462.041.716	775.022.824.832
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.11	805.429.944.216	704.980.727.332
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	400.000.000	400.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	69.632.097.500	69.642.097.500
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		18.088.882.767	20.202.482.518
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	18.028.882.767	20.202.482.518
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		60.000.000	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.086.921.705.170	1.771.478.297.456

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2011	01/4/2010
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.056.191.238.738	806.441.342.444
I.	Nợ ngắn hạn	310		823.554.422.251	670.871.824.869
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	175.607.439.268	262.609.327.593
2.	Phải trả người bán	312		506.768.941.469	145.312.770.987
3.	Người mua trả tiền trước	313		128.004.877.842	21.471.811.144
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	7.593.177.067	11.542.211.271
5.	Phải trả người lao động	315		1.064.783.199	1.785.621.923
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	74.804.676	368.502.080
7.	Phải trả nội bộ	317	V.18	-	224.186.223.872
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	3.828.139.620	3.586.246.889
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		615.259.110	9.109.110
II.	Nợ dài hạn	330		232.636.816.487	135.569.517.575
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	232.636.816.487	135.569.517.575
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.030.730.466.432	965.036.955.012
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.030.730.466.432	965.036.955.012
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		766.111.437.372	688.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		136.107.750.000	136.107.750.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6.482.785.612)	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		134.994.064.672	140.929.205.012
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.086.921.705.170	1.771.478.297.456

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/3/2011	01/4/2010
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại + USD		11.899	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Phụ trách Kế toán

Trần Thị Thanh Huyền

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 5 năm 2011

Tổng Giám đốc



Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01 tháng 4 năm 2010 đến 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.871.178.737.570	1.967.686.301.073
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	762.026.525
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.871.178.737.570	1.966.924.274.548
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.772.072.522.720	1.890.391.997.648
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.106.214.850	76.532.276.900
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	90.264.453.930	91.929.527.058
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	59.365.551.976	49.684.124.714
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	VI.6	42.857.527.103	34.641.656.905
8.	Chi phí bán hàng	24		8.380.621.799	6.863.295.572
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.715.492.653	23.464.805.959
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91.909.002.352	88.449.577.713
11.	Thu nhập khác	31		2.550.996.526	1.474.439.451
12.	Chi phí khác	32		4.696.105.901	966.333.859
13.	Lợi nhuận khác	40		(2.145.109.375)	508.105.592
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		89.763.892.977	88.957.683.305
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.510.799.164	874.039.899
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		88.253.093.813	88.083.643.406
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.21	1.280	1.280

Phụ trách Kế toán

Trần Thị Thanh Huyền



Mẫn Ngọc Anh

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ 01 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		89.763.892.977	88.957.683.305
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.514.064.555	8.385.214.069
- Các khoản dự phòng	03		(2.134.926.310)	2.500.000.000
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			5.697.332.177
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(86.991.980.795)	(80.469.516.781)
- Chi phí lãi vay	06		42.857.527.103	34.641.656.905
3. <i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		52.008.577.530	59.712.369.675
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(65.661.759.094)	(134.820.429.168)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		48.084.467.566	(21.761.937.547)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		333.545.455.114	404.725.159.678
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		2.056.403.769	2.827.212.458
- Tiền lãi vay đã trả	13		(42.857.527.103)	(35.158.256.905)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(5.151.708.195)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	47.330.107.721
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		546.150.000	(36.893.366.343)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		275.713.190.252	280.809.151.374
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(63.652.223.921)	(49.348.547.501)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(114.117.161.893)	(317.607.965.414)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.417.071.339	469.516.781
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(176.342.314.475)	(366.486.996.134)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (*tiếp theo*)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		405.577.673.878	638.628.022.883
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(460.042.107.446)	(568.818.399.716)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(92.602.947.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(147.067.380.568)	69.809.623.167
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.312.072.739	(15.868.221.593)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.662.881.478	19.531.103.071
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		7.974.954.217	3.662.881.478

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 5 năm 2011

Phụ trách Kế toán

Trần Thị Thanh Huyền



Tổng Giám đốc

Mẫn Ngọc Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ 01 tháng 4 năm 2010 đến 31 tháng 3 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: Xe băng, cát chéo lõi tôn silic, vỏ tài nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5 mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cốt (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắn, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Sản xuất xi măng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất các loại kim loại;
- Đầu tư thủy điện, nhiệt điện, kinh doanh mua bán điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (*tiếp theo*)

- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phôi dầu, máy biến áp phân phôi khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh môi giới, đấu giá bất động sản;
- Kinh doanh siêu thị, làm đại lý bán vé máy bay, vé tàu, xe, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe, nhà xưởng sản xuất, kho tàng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị;
- Tháo dỡ công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại), cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su, bột cao su, nhựa đường;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ.

4. Các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty

- Nhà máy thiết bị điện Hanaka;
- Trung tâm Thương mại Hồng Kông.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (*tiếp theo*)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ, các khoản công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận trên Báo cáo tài chính theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính:

Nhà xưởng

10 - 50 năm

Thiết bị sản xuất

6 - 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
TSCĐ hữu hình khác	9 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Theo thời gian sử dụng (45 năm)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình năm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng theo phương pháp giá gốc.

Khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo giá trị lợi thế xác định khi chuyển đổi Nhà máy Thiết bị Điện Hanaka sang Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka theo văn bản số 127/TĐG-KQ ngày 12/02/2007 và công văn số 38N/TĐG-CV ngày 03/4/2007 của Trung tâm Thẩm định giá thuộc Bộ Tài chính và đã được các cổ đông sáng lập thông qua theo Biên bản họp ngày 12/02/2007.

Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hối tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hối tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phân lón rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán doanh thu. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

- Thuế suất thuế TNDN là 20% áp dụng đối với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất trong thời hạn 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh của Nhà máy Thiết bị Điện Hanaka (năm 2002).
- Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN
 ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	31/3/2011	01/4/2010
- Tiền mặt tại quỹ	1.662.506.822	1.131.494.300
- Tiền gửi ngân hàng	6.312.447.395	2.531.387.178
Cộng	7.974.954.217	3.662.881.478

2. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	31/3/2011	01/4/2010
- Công ty TNHH Hồng Ngọc	-	102.901.566.167
- Công ty Cổ phần XD Công nghiệp Hanaka	9.806.643.748	19.020.504.542
- Công ty Cổ phần Re Xam A.B.M	104.465.105.935	104.922.309.990
- Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội	588.243.208	-
- Công ty Cổ phần cáp điện Hanaka - Korea	4.304.697.526	-
Cộng	119.164.690.417	226.844.380.699

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2011	01/4/2010
- Phải thu khác	37.495.225.285	83.597.676.666
+ Ông Mẫn Ngọc Anh	34.654.257.720	79.227.369.472
+ Khác	2.840.967.565	4.370.307.194
Cộng	37.495.225.285	83.597.676.666

4. Hàng tồn kho

	31/3/2011	01/4/2010
- Hàng mua đang đi đường	3.524.013	1.276.000.000
- Nguyên liệu, vật liệu	128.174.470.334	120.509.265.359
- Công cụ, dụng cụ	872.467.151	1.003.577.422
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.601.162.708	45.280.557.199
- Thành phẩm	41.756.799.932	70.096.032.509
- Hàng hoá	34.628.115	29.362.087.330
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	219.443.052.253	267.527.519.819

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/3/2011	01/4/2010
- Giá trị còn lại của CCDC đã xuất dùng	16.358.449	-
- Khác	100.837.533	-
Cộng	117.195.982	-

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/3/2011	01/4/2010
- Tài sản thiêu chò xử lý	701.303.056	-
- Tạm ứng cho CNV	580.862.600	634.914.000
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	586.848.900	2.142.144.900
Cộng	1.869.014.556	2.777.058.900

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>27.057.579.098</i>	<i>73.045.101.839</i>	<i>3.812.368.860</i>	<i>1.013.476.587</i>	-	<i>104.928.526.384</i>
- Mua trong năm	95.979.788.587	48.618.514.830	3.564.376.960	73.235.454	-	148.235.915.831
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(25.305.031)	-	-	-	(25.305.031)
- Giảm khác	-	(34.837.490.975)	-	-	-	(34.837.490.975)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>123.037.367.685</i>	<i>86.800.820.663</i>	<i>7.376.745.820</i>	<i>1.086.712.041</i>	-	<i>218.301.646.209</i>
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>3.900.802.386</i>	<i>18.073.213.121</i>	<i>1.613.194.323</i>	<i>624.815.348</i>	-	<i>24.212.025.178</i>
- Số khấu hao trong năm	1.325.209.245	5.970.714.345	631.901.439	188.800.474	-	8.116.625.503
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(23.316.783)	-	-	-	(23.316.783)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>5.226.011.631</i>	<i>24.020.610.683</i>	<i>2.245.095.762</i>	<i>813.615.822</i>	-	<i>32.305.333.898</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>23.156.776.712</i>	<i>54.971.888.718</i>	<i>2.199.174.537</i>	<i>388.661.239</i>	-	<i>80.716.501.206</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>117.811.356.054</i>	<i>62.780.209.980</i>	<i>5.131.650.058</i>	<i>273.096.219</i>	-	<i>185.996.312.311</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.309.097.613	154.239.930	1.463.337.543
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	1.309.097.613	154.239.930	1.463.337.543
II. Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	91.394.411	7.711.998	99.106.409
- Số khấu hao trong năm	29.091.060	30.847.992	59.939.052
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	120.485.471	38.559.990	159.045.461
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	1.217.703.202	146.527.932	1.364.231.134
2. Tại ngày cuối năm	1.188.612.142	115.679.940	1.304.292.082

Giá trị quyền sử dụng đất là chi phí (bao gồm cả tiền thuê đất đã trả một lần) để có quyền thuê đất (thời hạn đến năm 2051) tại khu đất ở thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (trụ sở chính của Công ty ở tại khu đất này).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2011	01/4/2010
- Xưởng Hatachi	5.572.013.330	16.310.190.297
- Khu Công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	62.409.829.330	35.280.063.196
- Khác	2.476.889.184	2.108.803.869
Cộng	70.458.731.844	53.699.057.362

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà và Quyền sử dụng đất	Cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	29.937.599.000	29.937.599.000
- Tăng trong năm	-	-
- Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	29.937.599.000	29.937.599.000
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư đầu năm	-	-
- Tăng trong năm	337.500.000	337.500.000
- Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	337.500.000	337.500.000
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	29.937.599.000	29.937.599.000
2. Tại ngày cuối năm	29.600.099.000	29.600.099.000

Giá trị bất động sản đầu tư bao gồm:

- Chi phí mua quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại lô số 1B nhà 208 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội với diện tích 108,92m² 21.300.000.000
- Chi phí mua quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 206 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội với diện tích 101,4m² 3.637.599.000
- Chi phí để có quyền thuê đất 50 năm (bắt đầu từ ngày 12/11/2007) tại số 208 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội với diện tích đất 248,5m² 5.000.000.000

11. Đầu tư vào công ty con

	31/3/2011	01/4/2010
- Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội	152.010.618.802	152.010.618.802
- Công ty Cổ phần Re Xam A.B.M	225.380.000.000	111.262.838.107
- Công ty Cổ phần Cao su Ha Na Lu Huấn	-	13.667.945.009
- Công ty Cổ phần Hanaka – Korea	268.374.016.501	268.374.016.501
- Công ty Cổ phần ReXam Hanacans	159.665.308.913	159.665.308.913
Cộng	805.429.944.216	704.980.727.332

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/3/2011	01/4/2010
- Công ty Cổ phần XD Công nghiệp Hanaka	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/3/2011	01/4/2010
- Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Hồng Ngọc để xây dựng Trung tâm Thương mại Hồng Kông (*)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	9.632.097.500	9.632.097.500
- Trái phiếu	-	10.000.000
Cộng	69.632.097.500	69.642.097.500

(*): Theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 18/3/2008 giữa Hanaka và Công ty TNHH Hồng Ngọc, hai bên sẽ góp vốn để thực hiện dự án “Xây dựng và kinh doanh Trung tâm Thương mại Hồng Kông”. Tổng vốn đầu tư của dự án là 540 tỷ đồng, trong đó, phần vốn góp cam kết của Hanaka là 200 tỷ đồng.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/3/2011	01/4/2010
- Giá trị lợi thế kinh doanh	16.159.815.682	18.910.422.606
- Chi phí trả trước khác	1.869.067.085	1.292.059.912
Cộng	18.028.882.767	20.202.482.518

Giá trị lợi thế kinh doanh là giá trị lợi thế được xác định khi chuyển đổi Nhà máy Thiết bị Điện Hanaka sang Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka theo văn bản số 127/TĐG-KQ ngày 12/02/2007 và công văn số 38N/TĐG-CV ngày 03/4/2007 của Trung tâm Thẩm định giá thuộc Bộ Tài chính và đã được các cổ đông sáng lập thông qua theo Biên bản họp ngày 12/02/2007. Giá trị lợi thế này đang được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/3/2011	01/4/2010
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>		
+ Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Bắc Ninh	158.505.105.029	165.618.690.457
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	16.094.797.073	-
+ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC	-	52.047.986.516
+ Ngân hàng Tiên Phong	1.007.537.166	10.306.893.909
+ Ngân hàng Habubanks Thanh Quan Hà Nội	-	34.635.756.711
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>		
Cộng	175.607.439.268	262.609.327.593

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/3/2011	01/4/2010
- Thuế giá trị gia tăng	3.638.606.402	816.978.429
- Thuế xuất, nhập khẩu	547.416.874	427.457.182
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.407.153.791	10.297.775.660
Cộng	7.593.177.067	11.542.211.271

17. Chi phí phải trả

	31/3/2011	01/4/2010
- Lãi vay phải trả	-	-
- Trích trước chi phí khác	74.804.676	368.502.080
Cộng	74.804.676	368.502.080

18. Phải trả nội bộ

	31/3/2011	01/4/2010
- Công ty Cổ phần Hanaka – Korea	-	28.841.276.655
- Công ty Cổ phần Hatachi Hà Nội	-	64.721.745.764
- Công ty CP bao bì kim loại Vinacans Sài Gòn	-	17.779.206.071
- Công ty Cổ phần Rexam Hanacans	-	112.202.320.382
- Công ty Cổ phần cao su Ha Na Lu Huấn	-	641.675.000
Cộng	-	224.186.223.872

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/3/2011	01/4/2010
- Tài sản thừa chờ giải quyết	461.879.974	642.485.993
- Kinh phí công đoàn	455.023.892	386.417.392
- Bảo hiểm xã hội	475.708.300	277.622.033
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	688.710.000	496.450.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.746.817.454	1.783.271.471
Cộng	3.828.139.620	3.586.246.889

20. Vay và nợ dài hạn

	31/3/2011	01/4/2010
<i>Vay dài hạn</i>		
- Vay ngân hàng	232.636.816.487	135.569.517.575
- Vay các đối tượng khác	180.761.918.398	135.569.517.575
+ Công ty Cổ phần Rexam - Hanacans	51.874.898.089	-
<i>Nợ dài hạn</i>	-	-
Cộng	232.636.816.487	135.569.517.575

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư Vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	688.000.000.000	136.107.750.000	-	54.253.164.999	878.360.914.999
Tăng vốn trong năm trước		-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	88.083.643.406	88.083.643.406
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Trích lập từ các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(1.407.603.393)	(1.407.603.393)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	688.000.000.000	136.107.750.000	-	140.929.205.012	965.036.955.012
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm	78.111.437.372	-	-	-	78.111.437.372
Lãi trong năm	-	-	-	88.253.093.813	88.253.093.813
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(92.602.947.000)	(92.602.947.000)
Giảm khác	-	-	(6.482.785.612)	(585.287.153)	(7.068.072.765)
Số dư cuối năm nay	766.111.437.372	136.107.750.000	(6.482.785.612)	134.994.064.672	1.030.730.466.432

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/3/2011	01/4/2010
- Vốn góp của nhà nước	-	-
- Vốn góp của các cổ đông khác	766.111.437.372	688.000.000.000
Cộng	766.111.437.372	688.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	688.000.000.000	688.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	78.111.437.372	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	766.111.437.372	688.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	92.602.947.000	-

d. Cổ phiếu

	31/3/2011	01/4/2010
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.000.000	110.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.611.144	68.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	76.611.144	68.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.611.144	68.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	76.611.144	68.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	88.253.093.813	88.083.643.406
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	88.253.093.813	88.083.643.406
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	68.800.000	68.800.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND)	1.280	1.280

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Doanh thu bán hàng (*)	1.859.011.788.388	1.885.251.577.447
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.096.269.287	4.415.572.264
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.070.679.895	78.019.151.362
Cộng	1.871.178.737.570	1.967.686.301.073

(*) Trong đó:

- Doanh thu bán hàng hóa	1.547.236.153.130
- Doanh thu bán thành phẩm	311.775.635.258
Cộng	1.859.011.788.388

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Giảm giá hàng bán	-	633.526.525
- Hàng bán bị trả lại	-	128.500.000
Cộng	-	762.026.525

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	1.863.082.468.283	1.962.508.702.284
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	8.096.269.287	4.415.572.264
Cộng	1.871.178.737.570	1.966.924.274.548

4. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán (*)	1.766.031.820.766	1.886.526.346.914
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.838.128.264	3.865.650.734
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	337.500.000	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.134.926.310)	-
Cộng	1.772.072.522.720	1.890.391.997.648

(*) Trong đó:

+ Giá vốn bán hàng hóa:	1.464.356.711.889
+ Giá vốn bán thành phẩm:	298.757.186.136
+ Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.917.922.741
	1.766.031.820.766

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
 Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Doanh thu tài chính

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Lãi tiền gửi	1.417.071.339	469.516.781
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	85.574.909.456	80.000.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.272.473.135	2.133.233.024
- Lãi phạt chậm thanh toán	-	2.257.447.836
- Doanh thu khác	-	7.069.329.417
Cộng	90.264.453.930	91.929.527.058

6. Chi phí tài chính

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Chi phí lãi vay	42.857.527.103	34.641.656.905
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.959.708.436	13.107.068.875
- Chiết khấu thanh toán	741.571.879	694.145.792
- Chi phí tài chính khác	3.806.744.558	124.125.314.2
Cộng	59.365.551.976	49.684.124.714

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.510.799.164	874.039.899
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	1.510.799.164	874.039.899

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2010 đến 31/3/2011	Từ 01/4/2009 đến 31/3/2010
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	260.665.189.496	184.591.077.081
- Chi phí nhân công	15.383.383.465	14.481.448.112
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.514.064.555	8.385.214.069
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.626.498.607	64.925.865.373
- Chi phí khác bằng tiền	15.739.088.402	14.417.173.133
Cộng	322.928.224.525	286.800.777.768

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA
Khu công nghiệp Hanaka, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	101.343.366.392
b. Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	78.111.437.372

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Phụ trách Kế toán

Trần Thị Thanh Huyền



Mẫn Ngọc Anh